

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DSST
Ngày: 24-4-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thế Lộc.
2. Ông Nguyễn Văn Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Tây N, sinh năm 1983 – Chủ hộ kinh doanh HD.

Địa chỉ: Số 77, đường C, Khu phố X, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số D1/3A, Ấp Y, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Khu nuôi tôm thuộc Tổ Z, ấp R, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 9 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/4/2019, cửa hàng HD đại diện là ông Lê Tây N có làm hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc với bà Dương Thị T, địa chỉ giao hàng tại khu nuôi tôm, Tổ Z, ấp R, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo hợp đồng mua bán số 002/HĐMB/HD2018.

Về nội dung, bên cửa hàng HD bán thức ăn, thuốc cho khu nuôi tôm của bà Dương Thị T với hình thức một tháng thanh toán một lần và ngày cuối tháng bên Đại lý HD sẽ tổng hợp công nợ phát sinh trong tháng cho bà Dương Thị T để kiểm tra đối chiếu. Bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền trên trong vòng ngày 01 đến ngày 05 của tháng tiếp theo. Mức công nợ giới hạn là 300.000.000 đồng (trong tháng nếu vượt 300.000.000 đồng thì bà T phải thanh toán tiền mặt số tiền vượt giới hạn đó). Tổng công nợ đến tháng 6/2019 là 309.368.000 đồng, đến ngày 05/7/2019 là bà Dương Thị T không thanh toán theo thỏa thuận.

Trong thời gian tiếp theo ngày 16/8/2019, bà T thanh toán 70.000.000 đồng, ngày 26/8/2019 bà T thanh toán 50.000.000 đồng, ngày 31/8/2019 bà T thanh toán 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 169.368.000 đồng. Mặc dù cửa hàng HD nhiều lần điện thoại thông báo cho bà T ra thanh toán nhưng bà T hứa hẹn nhiều lần mà không trả. Ngày 08/12/2019, giữa ông Lê Tây N và bà Dương Thị T có lập biên bản xác lập công nợ về việc mua bán thức ăn và vật tư nuôi tôm, theo đó bà T thừa nhận và ký xác nhận công nợ số tiền là 169.368.000 đồng. Nay ông Lê Tây N – Chủ hộ kinh doanh HD khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải thanh toán số tiền là 169.368.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai đề ngày 06/01/2020 và biên bản lấy lời khai đề ngày 17/01/2020, bị đơn bà Dương Thị T trình bày:

Bà T có hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc của hộ kinh doanh HD do ông Lê Tây N làm chủ. Bà T trực tiếp giao dịch mua bán vật tư trên tại cửa hàng HD, sau đó yêu cầu cửa hàng chở hàng đến khu nuôi tôm của bà T thuộc xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang, ký sổ công nợ đối với sổ nợ cũ và tiếp tục mua hàng mới. Do việc nuôi tôm không hiệu quả nên đến nay bà T còn nợ cửa hàng HD số tiền 169.368.000 đồng. Bà T trình bày bà sống độc thân, không có chồng. Do chủ cửa hàng HD cứ hăm dọa nên bà T không đến Tòa án làm việc được, bà T thừa nhận nợ và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh HD (bản sao); Hợp đồng mua bán số 002/HĐMB/HD2018 ngày 20/4/2019 (bản chính); một quyển tập ghi chú theo dõi nợ của bà T (bản gốc); Biên bản xác nhận công nợ ngày 08/12/2019 giữa ông Lê Tây N và bà Dương Thị T (bản chính).

Bị đơn không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ nào.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị T phải trả cho ông Lê Tây N - Chủ hộ kinh doanh HD số tiền còn thiếu là 169.368.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, Điều

440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T trả cho ông N số tiền 169.368.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 5 của Hợp đồng mua bán số 002/HĐMB/HD2018 ngày 20/4/2019 giữa Đại lý HD do ông Lê Tây N làm chủ và bà Dương Thị T, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền mua vật tư còn thiếu là 169.368.000 đồng. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Dương Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn: Khi thụ lý vụ án, Tòa án có xác định Hộ kinh doanh HD là nguyên đơn, người đại diện là ông Lê Tây N. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N có nộp cho Tòa án bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mang tên Hộ kinh doanh HD. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông N tại phiên tòa thể hiện bà T hợp đồng mua bán tài sản với cửa hàng HD do ông N làm chủ hộ kinh doanh. Căn cứ khoản 3 Điều 185 của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn trong vụ án là ông Lê Tây N – Chủ hộ kinh doanh HD.

Về nội dung:

[4] Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa Đại lý HD do ông Lê

Tây N làm chủ và bà Dương Thị T có ký kết hợp đồng mua bán các sản phẩm dùng trong nuôi trồng thủy sản bao gồm thức ăn tôm và các sản phẩm phục vụ cho việc nuôi tôm theo hợp đồng số 002/HĐMB/HD2018 ngày 20/4/2019, phù hợp Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hai bên thỏa thuận hình thức thanh toán là một tháng thanh toán một lần, đến ngày cuối tháng bên Đại lý HD sẽ tổng hợp công nợ phát sinh trong tháng cho bà Dương Thị T để kiểm tra đối chiếu và thanh toán số tiền trên trong vòng ngày 01 đến ngày 05 của tháng tiếp theo. Tổng công nợ đến tháng 6/2019 là 309.368.000 đồng. Từ ngày 16/8/2019 đến ngày 31/8/2019, bà T đã thanh toán số tiền 140.000.000 đồng cho Đại lý HD, còn nợ lại số tiền là 169.368.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Nay, ông N khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền trên là hoàn toàn phù hợp.

[5] Theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 08/12/2019 và các lời khai của bà T có trong hồ sơ vụ án thì bà T thừa nhận hiện nay còn nợ ông Lê Tây N số tiền là 169.368.000 đồng. Căn cứ Điều 440 của Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ trả tiền, bà T đã vi phạm nghĩa vụ như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nay ông Lê Tây N – Chủ hộ kinh doanh HD khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải thanh toán số tiền là 169.368.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là hoàn toàn có căn cứ, nghị cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là: $169.368.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.468.400 \text{ đồng}$. Ông N được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 185 của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tây N – Chủ hộ kinh doanh HD. Buộc bà Dương Thị T phải thanh toán số tiền 169.368.000đ (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) cho ông Lê Tây N – Chủ hộ kinh doanh HD.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Dương Thị T phải chịu án phí số tiền 8.468.400đ (Tám triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm đồng).

- Trả lại cho ông Lê Tây N – Chủ hộ kinh doanh HD số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.234.200đ (Bốn triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004807 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDs Tp. H;
- Những người TGT,
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Chí Dũng